

Bản án số: 51/2026/HS-ST
Ngày: 24-3-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hạ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lữ Quốc Toàn.

2. Bà Nguyễn Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kim Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2026, đối với bị cáo:

Phạm Quang L, sinh ngày 24/10/1979, tại Đồng Nai; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; số CCCD: 075079005040; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm rẫy; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: **Ấp T, xã X, tỉnh Đồng Nai**; con ông **Phạm Quang L1**, sinh năm 1947 (đã chết) và bà **Lý Thị L2**, sinh năm 1951; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: 01 (*bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng tại Quyết định số 12/2024/QĐ-TA ngày 15/3/2024, đã chấp hành xong ngày 22/11/2024*).

Bị bắt tạm giam từ ngày **09/12/2025** cho đến nay.

(*Bị cáo mặt tại phiên tòa*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Lý Thị L2**, sinh năm 1951 (vắng mặt).

Nơi cư trú: **Ấp T, xã X, tỉnh Đồng Nai**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Quang L bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Quyết định số 12/2024/QĐ-TA ngày 15/3/2024, với thời hạn là 12 tháng; được giảm thời hạn chấp hành biện pháp xử lý hành chính còn lại tại Quyết định số 343/QĐ-TA ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai (giảm 03 tháng). **Phạm Quang L** chấp hành xong thời hạn cai nghiện bắt buộc vào ngày 22/11/2024.

Đến ngày 27/11/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X, huyện X tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 319/QĐ-UBND về việc quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú đối với **Phạm Quang L**, thời hạn quản lý kể từ ngày 23/11/2024 đến ngày 23/11/2026.

Ngày 28/11/2024, Công an xã X đã giao Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 27/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X về việc quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú cho **Phạm Quang L**.

Trong thời gian bị quản lý sau cai nghiện, **Phạm Quang L** tiếp tục có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, cụ thể như sau:

Vào lúc 16 giờ 35 phút ngày 20/10/2025, qua công tác quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú, Công an xã X tiến hành mời **Phạm Quang L** để hỏi răn đe và tiến hành test nhanh chất ma túy (mẫu nước tiểu) đối với **L**. Kết quả xét nghiệm, **L** dương tính với chất ma túy trong cơ thể, loại Methamphetamine. Qua làm việc, **L** khai nhận hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 15/10/2025 tại nhà thuộc ấp T, xã X, tỉnh Đồng Nai. Công an xã X đã lập biên sự việc và niêm phong tang vật theo quy định.

Quá trình điều tra xác định: **Phạm Quang L** hiện đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú theo Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 27/11/2024 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai), thời hạn quản lý từ ngày 23/11/2024 đến ngày 23/11/2026. Vào khoảng 12 giờ ngày 15/10/2025, do có nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy nên **Phạm Quang L** đến khu vực nghĩa địa, thuộc ấp T, xã X, tỉnh Đồng Nai gặp một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) và mua được 01 (một) tép ma túy đá (ma túy tổng hợp hợp) với giá 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng). Sau khi có được ma túy, **L** mang về nhà tại ấp T, xã X, tỉnh Đồng Nai sử dụng một mình bằng hình thức đốt và hút tại phòng ngủ của **L**. Đến khoảng 15 giờ 00 phút ngày 20/10/2025, khi **L** đang ở nhà, Công an xã X mời lên làm việc và lập biên bản sự việc như đã nêu trên

* Tại bản Kết luận giám định số 2892/KL-KTHS ngày 30/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: Mẫu nước tiểu của **Phạm Quang L** được niêm phong gửi đến giám định có tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine và sản phẩm chuyển hoá của Methamphetamine.

* Vật chứng vụ án và xử lý: 01 (một) lọ nhựa chứa đựng nước tiểu của **Phạm Quang L** được niêm phong ký hiệu M. Mẫu vật đã được sử dụng hết trong quá trình giám định.

* Tại bản Cáo trạng số 62/CT-VKSKV6 ngày 05 tháng 02 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai truy tố bị cáo **Phạm Quang L** về tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố theo cáo trạng và đề nghị:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tội danh và hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo **Phạm Quang L** phạm tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, đề nghị xử phạt bị cáo **Phạm Quang L** từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo là khách quan, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Phạm Quang L là đối tượng đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy theo Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 27/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai), thời hạn quản lý từ ngày 23/11/2024 đến ngày 23/11/2026, nhưng vào khoảng 12 giờ ngày 15/10/2025, **Phạm Quang L** tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine tại nhà thuộc ấp T, xã X, tỉnh Đồng Nai. Tại Kết luận giám định số 2892/KL-KTHS ngày 30/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: Mẫu nước tiểu của **Phạm Quang L** được niêm phong gửi đến giám định có tìm

thấy chất ma túy loại Methamphetamine và sản phẩm chuyển hoá của Methamphetamine.

Do đó, hành vi của **Phạm Quang L** đã phạm tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội).

Điều 256a Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào sử dụng trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 03 năm:

... b) Đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của Luật phòng, chống ma túy;”

Cáo trạng số 62/CT-VKSKV6 ngày 05 tháng 02 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai truy tố bị cáo **Phạm Quang L** về tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo là công dân có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Bị cáo nhận thức được việc sử dụng trái phép chất ma túy khi đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng do không vượt qua được cám dỗ vẫn cố tình thực hiện tội phạm nhằm mục đích phục vụ cho nhu cầu của bản thân; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương là nguyên nhân dẫn đến các tội phạm khác. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết và phải có một mức hình phạt nghiêm khắc góp phần tăng cường tính răn đe, bảo đảm hiệu lực của các biện pháp quản lý, cai nghiện đã và đang được triển khai.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về vật chứng vụ án: 01 (một) lọ nhựa chứa đựng nước tiểu của **Phạm Quang L** được niêm phong ký hiệu M. Mẫu vật đã được sử dụng hết trong quá trình giám định nên không xem xét.

[6] Về các vấn đề khác: Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho **Phạm Quang L**, không xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể nên không có căn cứ đề xử lý.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo **Phạm Quang L** phạm tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo **Phạm Quang L** 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày **09/12/2025**.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo **Phạm Quang L** phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo **Phạm Quang L** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 6 – Đồng Nai;
- Phòng HSNV - CAT Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hạ